

2. MĂNG NHIẾC

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo khi giải quyết việc tranh cãi, mạ nhục Tỳ-kheo bằng giống loài.⁷ Tỳ-kheo hổ thẹn, quên trước quên sau nên không nói được.

Trong các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Sao nhóm sáu Tỳ-kheo giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục Tỳ-kheo bằng giống loài, khiến cho Tỳ-kheo hổ thẹn, quên trước, quên sau không nói được?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm

6. Cf. Pali, Vin.iv. 2, nói đối với bảy hình thức về một trong bốn chức năng nhận thức: Trước khi nói dối, trong khi nói dối, sau khi nói dối đều biết rõ mình sẽ, đang và đã nói dối; (có ý) diễn tả sai lạc quan điểm, sự tán thành, sở thích và ý hưởng; (...) vinidhaya didhì, vinidhaya khantì, vinidhaya ruci, vinidhaya bhava.

7. Chủng loại mạ 種類罵. Xem giải thích nơi phần giới tương.

điều không nên làm. Nhóm sáu Tỳ-kheo, sao giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục Tỳ-kheo bằng giống loài, khiến họ hổ thẹn quên trước quên sau không nói được?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Thuở xa xưa, tại nước Đắc-sát-thi-la,⁸ có người Bà-la-môn nuôi một con bò,⁹ ngày đêm cho ăn, vuốt ve, chải chuốt. Lúc ấy, cũng tại nước Đắc-sát-thi-la, có ông trưởng giả¹⁰ đi khắp hang cùng ngõ hẻm lớn tiếng rao:

- Ai có con bò nào đủ sức mạnh, cùng con bò của tôi đấu sức kéo một trăm xe, tôi sẽ cá một ngàn lượng vàng.¹¹

- Con bò của người Bà-la-môn nghe rao như vậy, tự nghĩ: “Người Bà-la-môn này ngày đêm hết lòng nuôi nấng ta, vuốt ve, chải chuốt ta. Nay ta nên đem hết sức mình ra kéo để lấy một ngàn lượng vàng kia, ngõ hầu trả ơn người này.”

- Con bò nghĩ xong liền nói với người Bà-la-môn:

- Ông chủ có biết chăng? Trong nước Đắc-sát-thi-la có ông trưởng giả rao rằng, ai có bò cùng với bò của ông đấu sức kéo một trăm xe, ông chịu mất một ngàn lượng vàng. Ông chủ có thể đến nhà ông trưởng giả kia nói, “Tôi có con bò có thể cùng với bò của ông đấu sức kéo một trăm xe, với số vàng cá là một ngàn lượng.”

- Người Bà-la-môn nghe xong liền đến nhà ông trưởng giả nói, “Tôi có con bò với sức mạnh có thể cùng với con bò của ông đấu sức kéo một trăm xe, số vàng cá là một ngàn lượng.” Ông trưởng giả trả lời, “Nay chính là lúc.” Người Bà-la-môn liền dắt con bò của mình đem đến để cùng đấu sức với con bò của ông trưởng giả, kéo một trăm xe để lấy một ngàn lượng vàng. Khi ấy có nhiều người đứng xem. Trước đám đông, người Bà-la-môn dùng lời mạ nhục, gọi con bò bằng cách kêu:

- Một Sừng,¹² kéo đi!

- Con bò của người Bà-la-môn nghe lời mạ nhục liền xấu hổ nên không ra sức kéo để cạnh tranh cùng đối thủ của mình. Do đó, con bò

8. Đắc-sát-thi-la 得尸羅國. Pali: Takkasilà, thủ phủ của Gandhàra, nổi tiếng về giáo dục. Được đề cập rất nhiều trong các chuyện tiền thân.

9. Pali, con bò tên là Nandivisàla.

10. Pali, sedàhi, nhà phú hộ, hay đại thương gia.

11. Pali, sahasena abbhuta karoti, đánh cuộc một nghìn. Không nói - một nghìn” cái gì. Bản dịch Anh phỏng định: Kahàpaha (tiền vàng). Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.>7c21), 50 tiền vàng. Căn bản 15 (T2>n1442, tr.765a22), 500 tiền vàng.

12. Hán: Nhất giác 一角, tên gọi diều cọt con bò. Pali: Kùla, không sừng; bò cụt sừng.

của ông trưởng giả thắng cuộc, con bò của người Bà-la-môn bại trận. Người Bà-la-môn phải mất một ngàn lượng vàng.

- Bấy giờ, người Bà-la-môn nói với con bò của ông ta:

- Ngày đêm ta nuôi nấng, vuốt ve, chải chuốt, với hy vọng người sẽ vì ta đem hết sức lực để thắng con bò của ông trưởng giả. Nhưng tại sao sự việc hôm nay ngược lại, khiến ta phải mất một ngàn lượng vàng?

- Con bò liền nói với Bà-la-môn:

- Trước đám đông ông nhục mạ tôi, ông bảo tôi là “Một Sừng, kéo đi!” Tôi rất lấy làm xấu hổ đối với mọi người. Do đó, tôi không thể dùng hết sức để cùng cạnh tranh với con bò kia được. Nếu ông có thể thay đổi cách gọi, đừng đem tên gọi hình tướng, mà nhục mạ tôi, thì ông cứ đến nói với ông trưởng giả rằng, “Bò của tôi có thể cùng bò của ông đấu sức, kéo một trăm xe với giá đấu gấp đôi là hai ngàn lượng vàng.”

- Người Bà-la-môn nghe xong liền nói với con bò của ông:

- Chớ để ta mất thêm hai ngàn lượng vàng nữa.

- Con bò trả lời với người Bà-la-môn:

- Trước đám đông ông đừng nhục mạ tôi, gọi tôi là “Một Sừng, kéo đi!” Mà trước đám đông ông nên khen ngợi tôi, bảo tôi kéo cho giỏi; ông gọi sừng tôi rất xinh đẹp.

Bấy giờ, người Bà-la-môn đến nhà ông trưởng giả nói:

- Nay bò của ông có thể cùng bò của tôi đấu sức kéo một trăm xe với số vàng đánh cá là hai ngàn lượng, dưới sự chứng kiến của nhiều người.

- Ông trưởng giả nói:

- Thật đúng lúc.

- Khi ấy, người Bà-la-môn trước đám đông khen ngợi con bò của ông rằng, “Kéo rất giỏi! Cặp sừng rất đẹp!”

- Con bò nghe lời khen như vậy liền đem hết sức mình để đấu với con bò kia, nên con bò của người Bà-la-môn thắng cuộc, con bò của ông trưởng giả thua trận. Người Bà-la-môn thu được hai ngàn lượng vàng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Phàm người ta khi muốn nói phải nói lời khéo léo, không nên nói lời xấu ác. Nói lời khéo léo là thiện. Nói lời xấu ác là tự gây phiền não cho mình. Bởi vậy cho nên, các Tỳ-kheo, súc sanh bị người mạ nhục, còn tự xấu hổ không thể dùng hết sức mình để kéo xe, huống là đối với người mà bị kẻ khác hủ nhục làm sao không hổ thẹn! Nhóm sáu Tỳ-kheo này là những người si, khi giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục

các Tỳ-kheo bằng giống loài, khiến cho họ hổ thẹn, quên trước, quên sau không nói được.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo nào, nhục mạ bằng giống loài, Ba-dật-đề.

A. GIỚI TƯỞNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Nhục mạ người bằng giống loài¹⁵: như nói, - Người sanh trong gia đình dòng họ thấp hèn, hành nghề cũng thấp hèn, kỹ thuật công xảo cũng thấp hèn. Hoặc nói, - Người là người phạm tội; người là người nhiều kiết sử; người là người mù, người là người trọc mù...

- Thấp hèn: Là dòng dõi chiên-đà-la, dòng dõi hốt rác, dòng dõi thợ đan,¹⁴ dòng dõi thợ đóng xe¹⁵.

- Họ thấp hèn: Chỉ những họ Câu-tấu, Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, A-đề-lị-dạ, Bà-la-đọa.¹⁶ Hoặc chẳng phải họ thấp hèn mà tập làm theo kỹ thuật thấp hèn, tức thành họ thấp hèn.

- Nghề nghiệp thấp hèn: Tức là mua bán heo, dê, giết bò, thả chim ưng, chim diều, thợ săn, chài lưới, làm giặc, bắt giặc, thủ thành, coi ngục.

- Kỹ nghệ thấp hèn: Như làm nghề thợ rèn, thợ mộc, thợ gốm, thợ da, thợ hốt tóc, thợ đan nia.¹⁷

- Phạm tội: Phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết.

- Kết: Từ sân nhuế cho đến năm trăm kết sử.

l>. Hán: Chung loại huỷ tử ngữ 種類毀訾語. Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.>25b28): Chung loại hình tướng ngữ 種類形相語; có 7 cách: Chung tánh, nghề nghiệp, tướng mạo, bệnh tật, tội, bệnh, kết sử (ô nhiễm). Pali (Vin.iv. 4): omasavāda. Có 10 cách mắng nhiếc: Bằng gia đình (jātiyā), tên tuổi (nāmena), tộc họ (gottena), nghề nghiệp (kammena), công xảo (sippena), chứng (bệnh) tật (bādhena), dấu hiệu (ligena), phiền não (thối xấu) (kilesena), tội lỗi (āpatiyā), và sự hèn hạ (hīnena).

14. Trúc sư chủng 竹師種: Thợ làm đồ tre. Pali: Veajāti.

15. Xa sư chủng 車師種. Pali: rathakārajāti.

16. Câu-tấu 拘湊, Câu-thi 拘尸, Bà-tô-trú 婆蘇晝, Ca-diếp 迦葉, A-đề-lị-dạ 阿提梨夜, Bà-la-đọa 婆羅墮. Pali, giòng họ có thấp và cao. Giòng họ thấp: Kosiya, Bhāradvāja; giòng họ cao: Gotama, Moggallāna, Kaccāyana, Vāsīdha.

17. Hán: Bá ki 簸箕. Pali: Narakāra, nghề đan/dệt cói.

- Mù lòa:¹⁸ mù lòa, gù, què quặt, câm điếc và các tật bệnh khác.

Hoặc Tỳ-kheo mắng nhiếc các Tỳ-kheo khác rằng, - Thầy sanh nơi nhà ti tiện; hành nghiệp thấp hèn, kỹ thuật thấp hèn. Thầy phạm tội, thầy bị kết sử, thầy là kẻ trọc đầu mù lòa... Mạ nhục như vậy.

Hoặc mạ nhục ngay trước mặt, hoặc mượn lời dụ để mạ nhục, hoặc tự so sánh để mạ nhục.

- Mạ nhục ngay trước mặt: Như nói, - Người sanh trong nhà Chiên-đà-la, sanh trong nhà hốt rác, sanh trong dòng thợ đan, dòng thợ đóng xe, họ Câu-tấu, Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa. Hoặc là vốn không phải dòng họ thấp hèn mà tập làm theo kỹ nghệ thấp hèn tức thành họ thấp hèn, như nói, - Người là người mua bán, người giết bò, heo, dê. Người là người làm nghề ăn trộm, bắt kẻ trộm. Người là người giữ thành, giữ ngục, là người thợ rèn, làm đồ mộc, làm lò gốm, làm thợ giày, thợ hớt tóc. Người là người phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết. Người là người từ kết sử sân nhuế, cho đến là người năm trăm kết sử. Người là người trọc đầu mù lòa, què quặt, điếc câm và là người có các bệnh hoạn khác...

- Mượn dụ để mạ nhục: Như nói, - Người tợ như Chiên-đà-la, tợ như dòng hốt phân, tợ như dòng thợ đan, tợ như dòng đóng xe. Người tợ như dòng họ Câu-tấu, tợ như dòng họ Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa. Người tợ như người mua bán heo, dê; tợ như người giết bò; tợ như người thả chim ưng, chim diều; tợ như người lưới cá, thợ săn; tợ như kẻ trộm, như người bắt kẻ trộm, tợ như người giữ thành, giữ ngục; tợ như người làm đồ gốm, tợ như người làm giày dép, tợ như người thợ hớt tóc; tợ như người phạm Ba-la-di, tợ như người phạm Tăng-già-bà-thi-sa, tợ như người phạm Ba-dật-đề, tợ như người phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, tợ như người phạm Thâu-lan-giá, tợ như người phạm Đột-kiết-la, tợ như người phạm ác thuyết, tợ như người kết sử, tợ như người mù lòa, tợ như người không có tóc, tợ như người què chân, tợ như người câm điếc...

- Tự so sánh để mạ nhục: Như nói, - Tôi không phải dòng Chiên-đà-la, tôi không phải dòng hốt phân, tôi không phải dòng thợ đan, tôi không phải dòng đóng xe. Tôi không phải dòng họ Câu-tấu, dòng họ Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa; cũng không phải người mua bán heo dê, giết bò, thả chim ưng, chim diều, lưới cá, thợ

18. Manh hạt 盲瞎, chỉ chung các khuyết tật và các chứng bệnh.

săn, làm giặc, bắt giặc, giữ thành, giữ ngục, thợ rèn, thợ mộc, thợ đan, đóng xe, thợ lò gốm, thợ giày, thợ cao...

Tôi không phải là người phạm Ba-la-di, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phạm Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm Thâu-lan-giá, phạm Đột-kiết-la, phạm ác thuyết. Tôi chẳng phải bị kiết sử, tôi chẳng phải là người trọc đầu, mù lòa, què quặt, điếc câm...

Nếu Tỳ-kheo đem giống loài mà mạ nhục, nói như trên, phạm Ba-dật-đề. Nếu đem giống loài để mạ nhục, nói rõ ràng phạm Ba-dật-đề, không rõ ràng phạm Đột-kiết-la.

Hoặc là nói thiện pháp để mạ nhục ngay trước mặt, hoặc mượn dụ để mạ nhục, hoặc tự so sánh để mạ nhục.

- Dùng thiện pháp để mạ nhục: Như nói, - Người là người A-lan-nhã, khát thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.

- Dùng thiện pháp mạ nhục ngay trước mặt: Như nói, - Người là người A-lan-nhã, khát thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.

- Mượn dụ để mạ nhục: Như nói, - Người tự như người A-lan-nhã, khát thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.

- Tự so sánh để mạ nhục: Như nói, - Tôi chẳng phải là người ở A-lan-nhã,... cho đến người ngồi thiền.

Nếu Tỳ-kheo dùng thiện pháp mạ nhục ngay trước mặt, mượn dụ để mạ nhục, tự so sánh để mạ nhục; nói mà rõ ràng phạm Đột-kiết-la, không rõ ràng cũng phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cùng có lợi cho nên nói, vì pháp cho nên nói, vì luật cho nên nói, vì giáo thọ cho nên nói, vì thân hậu cho nên nói, hoặc vì vui chơi mà nói, hoặc vì nói lỡ lời, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nhằm nói việc khác; tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.